

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 20 /2020/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 12 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp
đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
giai đoạn 2020 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.

Căn cứ Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 574 /TTr-SNN ngày 24 tháng 02 năm 2020, Công văn số 1768/SNN-KHTC ngày 13 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025,

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và thay thế Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành tỉnh: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Tài Nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Tây Ninh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP, Phòng KTTC;
- Trung tâm Công báo – tin học;
- Lưu: VT, VP.ĐDBQH,HĐND&UBNDtỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

QUY ĐỊNH

**Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp,
nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách này quy định hỗ trợ tín dụng và hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng dành cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025.

2. Đối tượng áp dụng

Chính sách này áp dụng đối với đối tượng nhận hỗ trợ là doanh nghiệp được thành lập tại tỉnh Tây Ninh và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư là dự án thuộc danh mục ngành, nghề quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này được thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định pháp luật về đầu tư.

2. Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án thuộc danh mục dự án khuyến khích đầu tư được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định pháp luật về đầu tư.

3. Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư là dự án thuộc danh mục dự án khuyến khích đầu tư được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này thực hiện tại vùng nông thôn, không thuộc địa bàn đã quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Nông nghiệp quy định tại Quyết định này gồm: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (bao gồm cả nuôi trồng được liệt).

5. Nông sản là sản phẩm của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

Điều 3. Điều kiện chung

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo danh mục dự án khuyến khích đầu tư được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này và phải thực hiện dự án đầu tư mới.

2. Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tây Ninh chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, các quy định khác có liên quan và những nội dung quy định tại Quyết định này.

3. Doanh nghiệp có văn bản cam kết thực hiện dự án đúng mục tiêu, tiến độ và là doanh nghiệp trực tiếp thực hiện vào dự án. Trường hợp gia hạn tiến độ thực hiện dự án thì thời gian giãn tiến độ thực hiện dự án không quá 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư, trong quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp doanh nghiệp điều chỉnh mục tiêu dự án hoặc không thực hiện đúng tiến độ hoặc không đầu tư trực tiếp vào dự án sẽ phải hoàn trả toàn bộ phần hỗ trợ, kể cả phần lãi vay tính bằng lãi suất cho vay theo mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tại thời điểm hoàn trả.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ đầu tư

1. Những dự án được tỉnh hỗ trợ kinh phí đầu tư theo Chính sách này, doanh nghiệp không được chuyển nhượng dự án cho doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và doanh nghiệp Nhà nước. Trường hợp doanh nghiệp vi phạm, cơ quan đăng ký đầu tư sẽ chấm dứt hoạt động dự án và doanh nghiệp phải trả lại toàn bộ phần hỗ trợ, kể cả phần lãi vay tính bằng lãi suất cho vay theo mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tại thời điểm hoàn trả.

2. Các dự án đã sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà nước, dự án của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước không thuộc đối tượng hỗ trợ đầu tư theo Chính sách này.

3. Dự án đầu tư có quy mô, điều kiện phù hợp với Chính sách này thì đăng ký hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tỉnh; dự án có quy mô và điều kiện phù hợp với Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thì đăng ký hỗ trợ đầu tư theo quy định của Chính phủ. Doanh nghiệp có dự án chỉ đăng ký một lần, không được đăng ký thay đổi nguồn vốn hỗ trợ.

4. Trong cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có các mức ưu đãi của các chính sách khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của chính sách có lợi nhất.

5. Nhà đầu tư có dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện tại Quy định này phải triển khai và hoàn thành dự án trong thời gian đăng ký. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu có hợp đồng liên kết với nông dân, doanh nghiệp có dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

6. Doanh nghiệp tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư: Khi hạng mục đầu tư của dự án hoàn thành và nghiệm thu thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo hạng mục đầu tư; sau khi dự án hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sản xuất, kinh doanh thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.

7. Phần vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không tính vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp và được Nhà nước cam kết bảo đảm phần vốn này khi doanh nghiệp thực hiện vay vốn từ ngân hàng thương mại để thực hiện dự án.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÍN DỤNG, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Điều 5. Chính sách hỗ trợ tín dụng

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo danh mục dự án khuyến khích đầu tư được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

a) Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất cho vay của Ngân hàng thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ;

b) Căn cứ để xác định chênh lệch lãi suất hỗ trợ

Mức lãi suất cho vay làm cơ sở để cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thấp nhất của các Ngân hàng thương mại Nhà nước trên địa bàn tỉnh, đối với khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có cùng kỳ hạn tại thời điểm hợp đồng vay vốn được ký kết, do ngân hàng Nhà nước tỉnh cung cấp.

Mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước;

c) Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại Nhà nước

Tối đa 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; tối đa 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư;

Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 06 năm;

Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm;

d) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Theo mức dư nợ thực tế của doanh

ng nghiệp tại thời điểm xem xét hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án nhưng không quá 20 tỷ đồng/dự án.

2. Vốn cấp bù chênh lệch lãi suất bố trí từ ngân sách tỉnh theo quy định

a) Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho doanh nghiệp chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với Ngân hàng thương mại Nhà nước trên cơ sở hợp đồng đã ký;

b) Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản dư nợ quá hạn từ thời điểm quá hạn.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng trong hàng rào dự án

a) Bảo quản, chế biến nông sản, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

Doanh nghiệp có dự án đầu tư chế biến nông sản theo danh mục dự án khuyến khích đầu tư được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này thì được hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về điện, nước, giao thông, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án;

Doanh nghiệp có dự án đầu tư bảo quản nông sản (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học) theo danh mục dự án kèm theo Quyết định này thì được hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về điện, nước, giao thông, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án;

Doanh nghiệp có dự án đầu tư nhà máy, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm theo danh mục dự án kèm theo Quyết định này thì được hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về điện, nước, giao thông, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án;

b) Hỗ trợ đầu tư dự án sản xuất cây ăn trái, rau quả đạt một trong các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ

Doanh nghiệp đầu tư dự án sản xuất cây ăn trái, rau quả đạt một trong các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ theo danh mục dự án kèm theo Quyết định này thì được hỗ trợ 60% chi phí đầu tư nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng: giao thông, điện, thủy lợi, thiết bị phục vụ cơ giới hóa và các thiết bị khác phục vụ cho sản xuất trong hàng rào dự án;

c) Hỗ trợ đầu tư dự án chăn nuôi áp dụng đạt một trong các tiêu chuẩn VietGAHP, GlobalGAP và hữu cơ

Doanh nghiệp có dự án chăn nuôi áp dụng đạt một trong các tiêu chuẩn VietGAHP, GlobalGAP, hữu cơ theo danh mục dự án kèm theo Quyết định này thì được hỗ trợ 60% chi phí đầu tư nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng: giao thông, điện, nước, thiết bị phục vụ cho chăn nuôi trong hàng rào dự án;

d) Hỗ trợ đầu tư dự án nông nghiệp: công nghệ cao; công nghệ sinh học; công nghệ tự động hóa, cơ giới hóa; dự án kỹ thuật canh tác, nuôi trồng

Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp: công nghệ cao; công nghệ sinh học; công nghệ tự động hóa, cơ giới hóa; dự án kỹ thuật canh tác, nuôi trồng theo danh mục dự án kèm theo Quyết định này thì được hỗ trợ 60% chi phí đầu tư nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng: giao thông, điện, thủy lợi, thiết bị phục vụ cơ giới hóa và các thiết bị khác phục vụ cho sản xuất trong hàng rào dự án.

2. Chính sách hỗ trợ ngoài hàng rào dự án

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Chính sách này nếu bên ngoài hàng rào dự án chưa có đường giao thông đạt chuẩn cấp V đồng bằng, hệ thống điện, cấp thoát nước để phục vụ dự án thì được hỗ trợ bổ sung 70% chi phí đầu tư và không quá 03 tỷ đồng để đầu tư để xây dựng các hạng mục trên (có thể lập dự án riêng).

Chương III

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ

Điều 7. Quyết định chủ trương dự án đầu tư thuộc danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và lập triển khai dự án đầu tư

1. Căn cứ danh mục dự án khuyến khích đầu tư được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này, Doanh nghiệp lựa chọn và đề xuất dự án đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các dự án đầu tư gửi các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Tây Ninh lấy ý kiến. Sau khi có ý kiến góp ý các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong thời gian 05 ngày làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự thảo danh mục dự án đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư.

3. Căn cứ Tờ trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư, sau 10 ngày làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết định chủ trương dự án đầu tư thuộc danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (theo mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

4. Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương dự án đầu tư thuộc danh mục dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp triển khai lập dự án đầu tư trình cơ quan chuyên ngành thẩm định.

5. Sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên ngành, chủ đầu tư phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, dự toán; triển khai thực hiện dự án theo quy định Luật Xây dựng và lập hồ sơ nghiệm thu các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án theo quy định về Quản lý chất lượng và Bảo trì công trình xây dựng tại Nghị

định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và Thông tư hướng dẫn số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 8. Nghiệm thu hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu, do Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, đại diện Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án đầu tư, Ngân hàng thương mại trực tiếp cho vay, Công ty Điện lực, cơ quan chuyên ngành liên quan tham gia Hội đồng nghiệm thu.

2. Căn cứ đề nghị nghiệm thu của doanh nghiệp trong vòng 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì mời các cơ quan liên quan tham gia Hội đồng nghiệm thu.

3. Nội dung nghiệm thu: Nghiệm thu hạng mục, toàn bộ dự án theo Định mức hỗ trợ đối với từng hạng mục, công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

4. Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu (theo mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

Điều 9. Hồ sơ, trình tự đề nghị hỗ trợ

1. Doanh nghiệp gửi 03 bộ hồ sơ tới Sở Kế hoạch và Đầu tư, thành phần hồ sơ gồm:

- a) Dự án đầu tư;
- b) Văn bản đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp (Mẫu số 2 Phụ lục II kèm theo Quyết định này);
- c) Hợp đồng đánh giá chứng nhận GAP và cam kết thực hiện đạt tiêu chuẩn GAP hoặc giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GAP;
- d) Hợp đồng tín dụng của Nhà đầu tư với Ngân hàng thương mại, phiếu xác định giải ngân; thông báo lãi suất của ngân hàng;
- đ) Biên bản nghiệm thu toàn bộ dự án của hội đồng nghiệm thu hoặc biên bản nghiệm thu các hạng mục công trình của các Sở chuyên ngành;
- e) Hồ sơ thiết kế, dự toán; hồ sơ hoàn công dự án được xác nhận, đánh giá của các ngành chức năng về chất lượng, công năng công trình hoặc toàn bộ dự án.

2. Trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thẩm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Quyết định này), trong vòng 05 ngày làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt mức hỗ trợ cho từng dự án. (mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

Chương IV

LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ HỖ TRỢ

Điều 10. Lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phê duyệt mức hỗ trợ, lập dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp dự toán chung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ các dự án thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 11. Thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ

1. Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quyết định hỗ trợ có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chi trả trực tiếp kinh phí hỗ trợ cho nhà đầu tư.
2. Hồ sơ thanh quyết toán gồm:
 - a) Quyết định phê duyệt mức hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - b) Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu.

Điều 12. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư và thời gian thực hiện

1. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư: Ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; đảm bảo bố trí tối thiểu 100 tỷ đồng cho chính sách này trong giai đoạn 2020 - 2025.
2. Thời gian thực hiện: 2020 - 2025

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phổ biến, tuyên truyền nội dung chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 - 2025. Hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện chính sách;
- b) Chủ trì Hội đồng nghiệm thu tổ chức nghiệm thu các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án hưởng chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 - 2025;
- c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách phân đầu tư lĩnh vực nông nghiệp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tiếp nhận đề xuất dự án đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức lấy ý kiến các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Tây Ninh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương dự án đầu tư thuộc danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt mức hỗ trợ cho từng dự án;

b) Cân đối ngân sách bố trí kinh phí thực hiện chính sách trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2020-2025, hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai kinh phí hỗ trợ có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện chi trả cho nhà đầu tư;

c) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiệm thu các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án hưởng chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025; Phối hợp với các Sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện Chính sách này tại các huyện, thị xã, thành phố.

3. Sở Tài chính

a) Tham gia Hội đồng nghiệm thu các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án hưởng chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025;

b) Hướng dẫn quản lý, sử dụng, thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ; Phối hợp với các sở ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện Chính sách này tại các huyện, thị xã, thành phố.

4. Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Công Thương

Tham gia Hội đồng nghiệm thu các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án hưởng chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn các cơ quan, báo chí trong tỉnh, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố thông tin tuyên truyền chủ trương chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025.

6. Sở Tư pháp

Hỗ trợ về mặt pháp lý liên quan đến pháp luật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Tây Ninh

a) Tham gia Hội đồng nghiệm thu dự án hưởng chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025 được hỗ trợ lãi suất vay thương mại;

b) Triển khai Quy định của chính sách này đến các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh.

8. Sở chuyên ngành khác:

a) Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu từng hạng mục công trình đầu tư chuyên ngành quản lý.

b) Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh.

Tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020 – 2025 đến các đối tượng biết thực hiện; đồng thời, phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện dự án từ khâu thẩm định đến khi kết thúc dự án.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định dự án thụ hưởng chính sách này trên địa bàn.

2. Chỉ đạo các phòng, ban huyện, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện dự án hiểu rõ những quy định của chính sách này.

3. Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ theo quy định gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Xác nhận địa điểm đầu tư và sự phù hợp của dự án đối với địa phương.

5. Định kỳ 6 tháng, năm các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện chính sách này.

6. Theo dõi tình hình triển khai thực hiện dự án của các nhà đầu tư đã được phê duyệt hỗ trợ chính sách; phối hợp với các ngân hàng thương mại trên địa bàn kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay của các nhà đầu tư đúng mục đích.

Điều 15. Trách nhiệm của các ngân hàng thương mại

Trên cơ sở các quy định có liên quan, thực hiện việc tính và thu lãi đúng, đầy đủ và chính xác số tiền lãi vay doanh nghiệp phải trả trong kỳ; lập chứng từ thu lãi rõ ràng, chính xác, đầy đủ chữ ký theo quy định để làm cơ sở hỗ trợ lãi vay.

Điều 16. Trách nhiệm của các nhà đầu tư

1. Đề xuất và xây dựng dự án đầu tư theo đúng quy định;

2. Cung cấp đầy đủ, trung thực hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ hoàn công các hạng mục công trình, dự án.

3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng địa điểm.

4. Thực hiện thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Quy định này.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến



Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRONG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

*(Kèm theo Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

I. DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI

**1. Dự án trồng trọt, chăn nuôi đạt tiêu chuẩn hữu cơ theo quy định,
không giới hạn diện tích tối thiểu**

2. Dự án sản xuất cây trồng

- Dự án trồng cây ăn quả, có quy mô diện tích tập trung như sau:
 - + Đạt tiêu chuẩn GlobalGAP: từ 05 ha đất canh tác trở lên;
 - + Đạt tiêu chuẩn VietGAP: từ 10 ha đất canh tác trở lên.
- Dự án sản xuất rau - củ - quả thực phẩm có quy mô diện tích tập trung như sau:
 - + Rau ăn lá đạt tiêu chuẩn GlobalGAP: từ 02 ha đất canh tác trở lên; đạt tiêu chuẩn VietGAP: từ 05 ha đất canh tác trở lên;
 - + Rau ăn quả đạt tiêu chuẩn GlobalGAP: từ 05 ha đất canh tác trở lên; đạt tiêu chuẩn VietGAP: từ 10 ha đất canh tác trở lên.

3. Dự án hỗ trợ chăn nuôi

- Đạt tiêu chuẩn GlobalGAP: Dự án chăn nuôi bò thịt 200 con/năm trở lên, bò sữa có quy mô 100 con trở lên; Dự án nuôi thủy sản diện tích mặt nước từ 04 ha trở lên;
- Đạt tiêu chuẩn VietGAHP: Dự án chăn nuôi bò thịt 300 con/năm trở lên, bò sữa có quy mô 200 con trở lên; Dự án nuôi thủy sản diện tích mặt nước từ 06 ha trở lên.

4. Dự án đầu tư phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản

- Dự án nhân giống bằng công nghệ nuôi cấy mô với quy mô tối thiểu từ 500.000 cây/năm trở lên;
- Dự án sản xuất giống cây trồng hoặc giống vật nuôi hoặc giống thủy sản có giá trị kinh tế cao với quy mô tối thiểu 50.000 cây giống/năm; 200-400 bò giống/năm; 3,5 triệu con giống thủy sản/năm.

5. Dự án trồng cây dược liệu với quy mô từ 05 ha trở lên

II. DANH MỤC DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ NHÀ MÁY, CƠ SỞ BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN NÔNG SẢN, CƠ SỞ GIẾT MỔ GIA SÚC

1. Dự án đầu tư nhà máy, cơ sở chế biến, bảo quản nông sản

- Dự án đầu tư nhà máy chế biến các sản phẩm cây ăn trái, rau, củ, quả thực phẩm;

- Dự án đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, đóng gói, bảo quản rau, hoa quả tươi;

- Dự án chế biến các phụ phẩm từ chế biến đường, phụ phẩm từ chế biến mì.

2. Dự án đầu tư nhà máy, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung với công suất giết mổ 01 ngày.đêm đạt tối thiểu là 400 con gia súc hoặc 4.000 con gia cầm hoặc 200 con gia súc và 2.000 con gia cầm.

III. DANH MỤC DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Dự án công nghệ sinh học: Sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp; Lai tạo giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản tạo ra các giống cây, con mới có các đặc tính ưu việt; Ứng dụng công nghệ nhân giống; Sản xuất vắc-xin thú y, giống cây trồng, chế phẩm sinh học. Quy mô đầu tư tối thiểu 05 tỷ đồng/dự án./.

Phụ lục II

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

..., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH DOANH
NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN**

(Kèm theo Quyết định số/2020/QĐ-UBND, ngày ... / ... /2020 của UBND tỉnh)

TT	Tên dự án	Quy mô/công suất (dự kiến)	Địa điểm (dự kiến)	Dự kiến vốn đầu tư (tr.đ)	Dự kiến vốn hỗ trợ (theo Quyết định - tr.đ)	Ghi chú

Bao gồm cả những danh mục dự án đang thực hiện đầu tư, đáp ứng đúng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Quyết định này nhưng nhà nước chưa đủ nguồn vốn để hỗ trợ cho doanh nghiệp; số “dự kiến” khi phê duyệt chính thức không chênh lệch quá 20%./.

Nơi nhận:

- ...

- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NN, CT;

- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Doanh nghiệp: (Tên doanh nghiệp)..... ;

Loại hình doanh nghiệp: (theo Luật doanh nghiệp)

Ngành nghề kinh doanh:..... ;

Trụ sở chính:..... ;

Điện thoại: Fax..... ;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư sốdo cấp ngàythángnăm

I. ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN VỚI NỘI DUNG SAU:

1. Tên Dự án:

2. Lĩnh vực đầu tư:

3. Địa điểm thực hiện Dự án:

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án:

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:

8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:

II. KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (theo Quyết định số/2020/QĐ-UBND ngày... tháng... năm 2020 của UBND tỉnh):

1. Căn cứ hỗ trợ

2. Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ

3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

TT	Nội dung	Số tiền	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
1				
2				

III. CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:**IV. DOANH NGHIỆP CAM KẾT: Nội dung hồ sơ đầu tư**

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nơi nhận:

....., ngày ... tháng ... năm

Chức danh người đại diện doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:....

ỦY BAN NHÂN DÂN...
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Căn cứ bản đề nghị hỗ trợ số... ngày... tháng... năm..... của doanh nghiệpđề nghị hỗ trợ đầu tư dự án (Tên dự án) và hồ sơ dự án kèm theo; Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp.... đầu tư vào Dự án....(Tên dự án) theo quy định tại Quyết định số/2020/QĐ-UBND như sau:

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM TRA

1. Bản đề nghị số
2. Báo cáo dự án đầu tư
3. Biên bản kiểm tra thực tế (Đối với dự án thực hiện trước thời điểm đề nghị ưu đãi, hỗ trợ):
4. Ý kiến của các cơ quan liên quan:
5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Lĩnh vực đầu tư:
3. Mục tiêu và quy mô dự án: (Mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án, số lượng lao động dự kiến, các hạng mục đầu tư và diện tích đất sử dụng)
4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: (nếu có theo quy định của Luật đầu tư)
5. Cấp quyết định đầu tư dự án: (Tên doanh nghiệp)
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:(Trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn vốn doanh nghiệp huy động)
8. Dự kiến mức vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ:
9. Thời gian thực hiện:
10. Các thông tin khác (nếu có):

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp

IV. Ý KIẾN THẨM TRA CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ

1. Hỗ trợ đầu tư:
 - Điều kiện đáp ứng:
 - Mức hỗ trợ:
 - Thời gian hỗ trợ:
2. Ý kiến khác:

V. KẾT LUẬN

Trên đây là ý kiến thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp..... thực hiện Dự án....., kính trình Ủy ban nhân dân.... xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan tham gia thẩm tra;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

..., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ.....****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số/2020/QĐ-UBND, ngàytháng....năm 2020 của UBND tỉnh ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ báo cáo thẩm tra số .../BCTT-SKHĐT ngày.... tháng... năm của Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp.... đầu tư vào Dự án....,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số/TTr-SKHĐT, ngày

QUYẾT ĐỊNH**Điều 1:** Phê duyệt kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (và tương đương) cấp ngày... tháng... năm... thực hiện Dự án.....:

1. Mức hỗ trợ:
2. Thời gian hỗ trợ:

Điều 2: Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ

Việc thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ thực hiện theo Điều..... Quyết định số/2020/QĐ-UBND

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối

Điều 3: Chánh văn phòng Đoàn Đại biểuvà doanh nghiệp Chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**CHỦ TỊCH****Nơi nhận:**

- CT- các PCT;
- Như Điều 3;
-
- Lưu:

HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm

BIÊN BẢN NGHIỆM THU**HOÀN THÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ HOẶC HẠNG MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

1. Dự án (hạng mục dự án):

2. Địa điểm xây dựng:

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Phía Hội đồng nghiệm thu (Ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan và số văn bản cử tham gia làm đại diện)

b) Phía doanh nghiệp: (Tên doanh nghiệp)

Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách đầu tư dự án, hạng mục dự án:

c) Nhà thầu thi công

Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu và cán bộ phụ trách thi công dự án, hạng mục dự án:

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu: ngày tháng năm ...

Kết thúc: ngày tháng năm ...

Tại:.....

5. Đánh giá dự án, hạng mục dự án:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

b) Quy mô, chất lượng dự án, hạng mục dự án (đối chiếu định mức hỗ trợ, thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật);

c) Các ý kiến khác nếu có

6. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành dự án, hạng mục dự án đáp ứng yêu cầu và được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có).

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở: TC, KH&ĐT, NN&PTNT, KH&CN, TN&MT (để biết);
- Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh;
- Doanh nghiệp nhận hỗ trợ;
- Nhà thầu thi công;
- Thành viên Hội đồng nghiệm thu;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: ...

HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU(Thành viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của Sở
NN&PTNT)**DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcV/v tạm ứng (Thanh toán) kinh
phí

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố.....

Căn cứ Quyết định số .../2020/QĐ-UBND ngày... tháng... năm 2020 của UBND tỉnh.

Doanh nghiệp: (Tên doanh nghiệp)

Trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Tài khoản số tại

- Lý do tạm ứng (thanh toán):

- Nội dung ưu đãi, hỗ trợ:

+ Hạng mục hỗ trợ:

+

Số tiền đề nghị tạm ứng (thanh toán):..... (Viết bằng chữ):

- Hồ sơ kèm theo gồm:

Nơi nhận:

.....

CHỨC DANH NGƯỜI ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)